

QUYẾT ĐỊNH
Công bố khổ giới hạn đường trên các tuyến tỉnh lộ

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố khổ giới hạn đường trên các tuyến tỉnh lộ theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Các vị trí trong Phụ lục kèm theo Quyết định này không ghi chiều rộng và chiều cao là vị trí bảo đảm quy định khổ giới hạn về chiều rộng và khổ giới hạn về chiều cao theo cấp đường của tuyến.

Khổ giới hạn công bố trong Quyết định này không thay thế biển báo hiệu hạn chế khổ giới hạn và các biển báo hiệu đường bộ trên hệ thống tỉnh lộ.

Người tham gia giao thông có trách nhiệm tuân thủ: Quy tắc giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; các quy định của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ và các quy định có liên quan.

Điều 2. Ban Quản lý dự án bảo trì đường bộ Sở GTVT Đắk Nông, các đơn vị quản lý đường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, rà soát và báo cáo kịp thời để Sở Giao thông vận tải Đắk Nông công bố bổ sung trong các trường hợp sau:

1. Khổ giới hạn tại các vị trí trên tỉnh lộ đang khai thác có thay đổi (do sửa chữa hoặc thực hiện công việc khác làm mở rộng, thu hẹp mặt đường, mặt cầu và các nguyên nhân khác làm thay đổi khổ giới hạn về chiều rộng, thay đổi khổ giới hạn về chiều cao) so với khổ giới hạn đã công bố tại Quyết định này;

2. Khi hoàn thành công tác đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến, đoạn tuyến tỉnh lộ đưa vào khai thác;

3. Khi chuyển đường huyện thành tỉnh lộ;

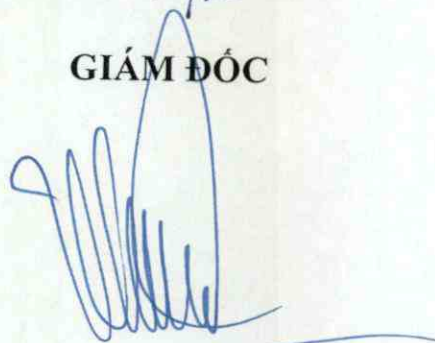
4. Định kỳ trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả rà soát khổ giới hạn của các tuyến tỉnh lộ gửi về Sở Giao thông vận tải để cập nhật và công bố bổ sung.

Điều 3. Trưởng các phòng, ban nghiệp vụ Sở; các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *man*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TCĐBVN (thay b/c);
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KCHT.

GIÁM ĐỐC



Võ Văn Hùm

Phụ lục: Bảng cấp đường và các vị trí hạn chế về khổ giới hạn so với cấp đường của các tuyến tỉnh lộ
(Kèm theo Quyết định số: 10.7.2. /QĐ-SGTVT ngày 29. tháng 5... năm 2018)

TT	Tên Tỉnh lộ	Điểm đầu		Điểm cuối		Cấp đường	Các điểm hạn chế khổ giới hạn				Ghi chú
		Tên địa danh	Tư (Km)	Tên địa danh	đến (Km)		Lý trình (Km)	Bề rộng hạn chế	Chiều cao hạn chế	Lý do hạn chế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Tỉnh lộ 1										
I		Huyện Đắk R'lấp	Km5+00	Huyện Tuy Đức	Km36+00	IV.MN		3,5/7,5		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường
II	Tỉnh lộ 2										
I		Huyện Đắk Song	Km0	Huyện Đắk Mil	Km16+900	IV.MN		3,5/7		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường
III	Tỉnh lộ 3										
I		Huyện Đắk Mil	Km2+800	Huyện Krông Nông	Km31+030	IV.MN		3,5/6		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường
IV	Tỉnh lộ 4B										
I		Huyện Krông Nông	Km0+00	Huyện Đắk Glong	Km26+400	V.MN		3,5/6,5		Mặt đường bị thu hẹp	
V	Tỉnh lộ 5										
I		Huyện Đắk R'lấp	Km0+00	Đắk R'lấp	Km12+100	IV.MN		3,5/7,5		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường
2		Huyện Đắk R'lấp	Km20+650	Đắk R'lấp	Km21+250	IV.MN		3,5/7,5		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường
3		Huyện Đắk R'lấp	Km23+120	Đắk R'lấp	Km25+900	IV.MN		3,5/7,5		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường
4		Huyện Đắk R'lấp	Km32+140	Đắk R'lấp	Km32+900	IV.MN		3,5/7,5		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường
5		Huyện Đắk R'lấp	Km21+400	Đắk R'lấp				3,6/5		Bề rộng cầu bị thu hẹp	
6		Huyện Đắk R'lấp	Km34+650	Đắk R'lấp				4/4,7		Bề rộng cầu bị thu hẹp	
7		Huyện Đắk R'lấp	Km38+750	Đắk R'lấp				4/5,5		Bề rộng cầu bị thu hẹp	

(Handwritten signature)

TT	Tên Tỉnh lộ	Đoạn tuyến				Cấp đường	Các điểm hạn chế khổ giới hạn					Ghi chú
		Điểm đầu		Điểm cuối			Lý trình (Km)	Bề rộng hạn chế	Chiều cao hạn chế	Lý do hạn chế		
		Tên địa danh	Từ (Km)	Tên địa danh	đến (Km)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
VI	Tỉnh lộ 6											
1		Huyện Tuy Đức	Km3+00	Huyện Đắk song	Km17+265	IV.MN		3,5/7,5		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường	
2		Huyện Đắk song	Km19+770	Huyện Đắk Glong	Km57+00	IV.MN		3,5/7,5		Mặt đường bị thu hẹp	Hẹp hơn cấp đường	

(Handwritten signature)